

hoạt động viết, có kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm hay cá nhân. Ngoài ra, sinh viên được kết hợp phát triển kỹ năng nói, nghe ở trình độ cao cấp.

2.2.3. Về thái độ:

Học phần giúp sinh viên tham gia vào việc học một cách chủ động, tích cực, áp dụng các kiến thức được học để phát triển kỹ năng viết tiếng Anh, cố gắng sử dụng tiếng Anh để giao tiếp và kết hợp phát triển các kỹ năng khác.

Sinh viên hình thành tính nghiêm túc, kỷ luật và chăm chỉ trong việc học cũng như các hoạt động đoàn thể khác.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
	<i>Về kiến thức</i>
CLO1	- hiểu được các kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh và các yêu cầu cơ bản để đạt được năng lực Viết ở cấp độ C1 (bậc 5 KNLNN 6 bậc dùng cho VN)
CLO 2	- sử dụng linh hoạt một lượng lớn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đạt trình độ Cao cấp C1
CLO 3	- nhận biết cấu trúc, phong cách để viết các loại văn bản khác nhau.
	<i>Về kỹ năng</i>
CLO 4	<u>Viết sản sinh: Viết sáng tạo</u> - có thể viết những bài văn miêu tả và bài văn sáng tạo rõ ràng, chi tiết với cấu trúc chặt chẽ, với văn phong tự tin, cá tính, tự nhiên, phù hợp với độc giả.
CLO 5	<u>Viết sản sinh: Viết báo cáo và tiểu luận</u> - có thể viết triển khai ý và bảo vệ quan điểm của mình với độ dài nhất định, với các ý kiến, lập luận và các minh chứng cụ thể.
CLO 6	<u>Viết tương tác:</u> - có thể thể hiện bản thân rõ ràng và chính xác, liên kết người đối thoại một cách linh hoạt và hiệu quả.
	<i>Về thái độ Về thái độ (mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm)</i>
CLO 7	- có thái độ nghiêm túc, chăm chỉ, có kỷ luật trong công việc
CLO 8	- có tâm lý vững vàng để có thể tự tin trong công việc trong tương lai.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO 1	R	M	M									
CLO 2		R	R									
CLO 3		R	R									
CLO 4				M	R							
CLO 5				M	R							
CLO 6				M	R							
CLO 7										M	R	M
CLO 8										M	R	M

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	10%					Quan sát, điểm danh, yêu cầu trả lời câu hỏi hoặc nêu ý kiến cá nhân
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	30%	A2.1. Tuần 8 (1 thể loại bài viết đã học)	50%		CLO 2 CLO 3	A2.1. Thi viết Viết theo chủ đề cho sẵn: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn
		Tuần 15. Portfolio: tập hợp các bài viết của sinh viên	50%		CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	A2.2. Chấm theo các tiêu chí cho sẵn
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài kiểm tra cuối kỳ: Thi viết			CLO 1-8	

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (2 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy, tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 5.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	UNIT 1: A COMPETITION ENTRY (Part 2) 1.1. Reading comprehension 1.2. Useful expressions 1.3. Competition entry writing	5	Sinh viên có khả năng: 1. thông hiểu cách viết bài dự thi bằng tiếng Anh theo chủ đề. 2. thể hiện bản thân rõ ràng và chính xác, liên kết người đối thoại một cách linh hoạt và hiệu quả.	CLO1 CLO6	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp. - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc	

						học, sẵn sàng tham gia các hoạt động	
2	<p>UNIT 2: A MAGAZINE ARTICLE (Part 2)</p> <p>2.1. Reading comprehension</p> <p>2.2. Useful expressions</p> <p>2.3. Magazine article writing</p>	5	<p>Sinh viên có khả năng:</p> <p>1. sử dụng linh hoạt một lượng lớn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đạt trình độ Cao cấp C1 để viết bài báo trên tạp chí.</p> <p>2. viết triển khai ý và bảo vệ quan điểm của mình với độ dài nhất định, với các ý kiến, lập luận và các minh chứng cụ thể.</p>	<p><i>CLO2</i></p> <p><i>CLO5</i></p>	<p>- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động</p>	
3	<p>UNIT 3: A REPORT (Part 1)</p> <p>3.1. Reading comprehension</p> <p>3.2. Useful expressions</p> <p>3.3. Report writing</p>	4	<p>Sinh viên có khả năng:</p> <p>1. nhận biết cấu trúc, phong cách để viết một bài báo cáo (có gợi ý).</p> <p>2. viết triển khai ý và bảo vệ quan điểm của mình với độ dài nhất định, với các ý kiến, lập luận và các minh chứng cụ thể.</p>	<p><i>CLO3</i></p> <p><i>CLO5</i></p>	<p>- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng</p> <p>- Phần chuẩn</p>	

					projector đề hướng dẫn	bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động	
3	Ôn tập và kiểm tra TC1	1	Sinh viên có khả năng: 1. nhận biết cấu trúc, phong cách để viết các loại văn bản khác nhau.	CLO1	Kiểm tra tự luận	Nghiêm túc làm bài	A2.1
4	UNIT 4: A REPORT (Part 2) 4.1. Reading comprehension 4.2. Useful expressions 4.3. Report writing	5	Sinh viên có khả năng: 1. thông hiểu cách viết bài báo cáo (không có gợi ý). 2. có thể viết triển khai ý và bảo vệ quan điểm của mình với độ dài nhất định, với các ý kiến, lập luận và các minh chứng cụ thể.	<i>CLO1</i> <i>CLO5</i>	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp. - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector đề hướng dẫn	- Phân chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến đề hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Phân chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động.	

5	<p>UNIT 5: A REVIEW (Part 2)</p> <p>5.1. Reading comprehension</p> <p>5.2. Useful expressions</p> <p>5.3. Review writing</p>	5	<p>Sinh viên có khả năng:</p> <p>1. nhận biết cấu trúc, phong cách để viết bài phê bình.</p> <p>2. có thể thể hiện bản thân rõ ràng và chính xác, liên kết người đối thoại một cách linh hoạt và hiệu quả.</p>	<p><i>CLO3</i></p> <p><i>CLO6</i></p>	<p>- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>- Phân chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng</p> <p>- Phân chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động</p>	
6	<p>UNIT 6: A PROPOSAL (Part 1)</p> <p>6.1. Reading comprehension</p> <p>6.2. Useful expressions</p> <p>6.3. Proposal writing</p>	4	<p>Sinh viên có khả năng:</p> <p>1. thông hiểu cách viết bài đề xuất (có gợi ý).</p> <p>2. có thể viết những bài văn miêu tả và bài văn sáng tạo rõ ràng, chi tiết với cấu trúc chặt chẽ, với văn phong tự tin, cá tính, tự nhiên, phù hợp với độ tuổi.</p>	<p><i>CLO1</i></p> <p><i>CLO4</i></p>	<p>- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng</p>	<p>- Phân chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng</p> <p>- Phân chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động</p>	

					dẫn	trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động	
6	Ôn tập và kiểm tra TC2	1	Sinh viên có khả năng: 1. nhận biết cấu trúc, phong cách để viết các loại văn bản khác nhau. 2. có thể thể hiện bản thân rõ ràng và chính xác, liên kết người đối thoại một cách linh hoạt và hiệu quả.	CLO3 CLO6	Kiểm tra tự luận	Nghiêm túc làm bài	A2.2
Theo lịch thi	Thi kết thúc học phần						A3

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Gude, K. & Stephens, M.	2005	CAE Results: Student's book	Oxford University Press.
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Fall, T. & Davies, P.	2008	Solutions: Advanced Students' book	Oxford University Press
3	Harrison, M.	2008	CAE Practice Tests	Oxford University Press
4	Kenny, N. et al.	2008	CAE Gold Plus	Pearson Longman
5	Mathews, L. & Thomas, B	2001	Complete CAE	Cambridge University Press.
6	Stanton, A. & Morris, S.	2001	Practice Test Plus 1	Pearson Longman

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Số lượng	Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...			
1	Phòng học ngoại ngữ có ghế xếp	Projector, loa, màn hình máy chiếu		01	Tất cả các bài học

9. Rubric đánh giá

a. Đánh giá chuyên cần (Attendance Check) Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>=90 %).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

b. Đánh giá bài viết

Criteria	Details	Mark
A. Relevance	Understanding of the topic	25%
	Suitable evidence	
	Appropriate supporting ideas	
B. Organization	Introductory paragraph	25%
	Supporting paragraphs	
	Concluding paragraph	
C. Language Use	Appropriate vocabulary	25%
	Linking words	
	Transitions	
D. Grammar	Accurate sentence structure	25%
	Appropriate punctuation	
	Consistent and appropriate tense choice	

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Nguyễn Đình Hùng

TS. Lê Thị Hằng

ThS. Nguyễn Thị Hồng Thắm